

Số: 5478/BĐD-NHCS
V/v xây dựng kế hoạch tín dụng
giai đoạn 2026-2030

Định Hóa, ngày 04 tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện;
- Phòng: Lao động TB&XH, Giáo dục và đào tạo, NN&PTNT, Dân tộc, Thống kê huyện;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội nhận ủy thác cấp huyện;
- UBND, Ban giảm nghèo các xã, thị trấn.

Thực hiện văn bản số 4938/NHCS-KHNV, ngày 20/8/2024 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc xây dựng kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030; văn bản số 140/BĐD – NHCS ngày 29/8/2024 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, đồng thời nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước giai đoạn 2026-2030 về đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm trên địa bàn huyện. Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, kiêm Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Định Hóa yêu cầu Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện; Trưởng phòng Lao động TB&XH, Giáo dục và đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Dân tộc, Thống kê, Tổ chức CT-XH huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Định Hóa chủ động phối hợp với các Tổ chức CT-XH, các Phòng, ban liên quan của huyện để nắm bắt thông tin, xác định nhu cầu vốn tín dụng, phân tích những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân chủ quan, khách quan của những tồn tại, hạn chế trong điều hành và thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng giai đoạn 2021-2025 và ước thực hiện năm 2025 trên địa bàn.

Việc tổng hợp nhu cầu nguồn vốn tín dụng chính sách của các xã, thị trấn phải đảm bảo phản ánh đúng nhu cầu thực tế về vốn tín dụng của các đối tượng thụ hưởng chính sách, khả năng nguồn vốn, khả năng thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi trên địa bàn để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030.

Việc xây dựng kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030 phải căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời bám sát định hướng tăng trưởng, kết quả thực hiện kế hoạch tín dụng giai đoạn 2021-2025 và ước thực hiện kế hoạch đến

ngày 31 tháng 12 năm 2025 của NHCSXH, căn cứ nợ đến hạn, khả năng thu hồi nợ đến hạn để dự kiến kế hoạch thu hồi nợ đến hạn giai đoạn 2026-2030, nguồn vốn cho vay quay vòng và tình hình rà soát nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách từ cơ sở để xây dựng kế hoạch giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch tín dụng giai đoạn 2025-2027 đã xây dựng, các đơn vị rà soát lại và điều chỉnh nếu cần thiết và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch các năm tiếp theo.

2. Lãnh đạo các phòng Lao động TB&XH, Giáo dục và đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Dân tộc, Thống kê và tổ chức CT-XH huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao nắm bắt các thông tin liên quan có trách nhiệm cung cấp số liệu (theo phần C tại Biểu số 02C/NHCS-KH trước ngày 12/9/2024) làm cơ sở cho NHCSXH xây dựng, tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch tín dụng trên địa bàn.

3. Chủ tịch UBND, Trưởng Ban giảm nghèo các xã, thị trấn chỉ đạo Tổ chức CT-XH cấp xã phối hợp với Trưởng xóm, tổ trưởng tổ dân phố rà soát tổng hợp nhu cầu vay vốn thực tế của từng xóm, tổ dân phố để xây dựng nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách giai đoạn 2026-2030 của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác (theo mẫu Biểu số 01/NHCS-KH). Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách trên địa bàn từng thôn, xóm, Tổ dân phố Chủ tịch UBND xã, thị trấn xác nhận nhu cầu toàn xã, thị trấn (theo mẫu Biểu số 01/NHCS-KH) gửi NHCSXH huyện Định Hóa trước ngày 12/9/2024 để NHCSXH huyện tổng hợp và xây dựng kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030, trình Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện phê duyệt gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện, Trưởng các phòng, ban liên quan, các Tổ chức CT-XH cấp huyện, Chủ tịch UBND, Trưởng Ban giảm nghèo các xã, thị trấn phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện (báo cáo);
- Phòng: LĐTB&XH, GD&ĐT, NN&PTNT, Dân tộc, Thống kê (P/h thực hiện);
- Các Tổ chức CT-XH huyện (P/h thực hiện);
- NHCSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NHCS.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lý Văn Thắng

STT	CHỈ TIÊU	Ước thực hiện đến 31/12/2024	Ước thực hiện đến 31/12/2025	Kế hoạch tín dụng năm 2026			Kế hoạch tín dụng năm 2027			Kế hoạch tín dụng năm 2028			Kế hoạch tín dụng năm 2029			Kế hoạch tín dụng năm 2030					
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2025		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2026		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2027		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2028		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2029		Tăng, giảm so với 31/12/2025		
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
16	Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến (theo QĐ 09/2022/QĐ-TTg)																				
17	Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập (theo QĐ 11/2022/QĐ-TTg)																				
18	Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số (theo QĐ 32/2007/QĐ-TTg, QĐ 54/2012/QĐ-TTg, QĐ 74/2008/QĐ-TTg, QĐ 29/2013/QĐ-TTg, QĐ 1592/QĐ-TTg, QĐ 755/QĐ-TTg, QĐ 2085/QĐ-TTg)																				
19	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi (theo ND 75/2015/ND-CP)																				
20	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg, QĐ 33/2015/QĐ-TTg, QĐ 716/QĐ-TTg, QĐ 48/2014/QĐ-TTg)																				
21	Cho vay một số dự án vốn nước ngoài - Cho vay dự án IFAD - Cho vay dự án KFW (Phát triển DN vừa và nhỏ) - Cho vay dự án FSDP (Phát triển ngành Lâm nghiệp) - Cho vay dự án NIPPON (Mở rộng tài chính cho người khuyết tật) - Cho vay dự án khác (RIDP, CWPD, FHI, khác)																				
22	Cho vay các chương trình khác																				
II DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG																					
1	Cho vay hộ nghèo (theo ND 78/2002/ND-CP)																				
2	Cho vay hộ cận nghèo (theo QĐ 15/2013/QĐ-TTg)																				
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo (theo QĐ 28/2015/QĐ-TTg)																				
4	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg)																				
5	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (theo ND số 61/2015/ND-CP, ND 74/2019/ND-CP)																				
6	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo QĐ 365/QĐ-NHNN, QĐ 1465/QĐ-TTg, QĐ 63/2015/QĐ-TTg và ND 61/2015/ND-CP)																				
7	Cho vay chương trình NS&VSMT NT (theo QĐ 10/2024/QĐ-TTg)																				
8	Cho vay hộ gia đình SXKD tại VKK (theo QĐ 31/2007/QĐ-TTg)																				
9	Cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ ĐBSCL																				
10	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù (theo QĐ 22/2023/QĐ-TTg)																				
11	Cho vay nhà ở xã hội (theo ND 100/2024/ND-CP) - Mua, thuê mua nhà ở xã hội - Xây mới, cải tạo, sửa chữa nhà để ở																				
12	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi (theo ND số 28/2022/ND-CP)																				
13	Cho vay các chương trình khác																				
III QUỸ AN TOÀN CHI TRẢ																					
C THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU																					

STT	CHỈ TIÊU	Ước thực hiện đến 31/12/2024	Ước thực hiện đến 31/12/2025	Kế hoạch tin dụng năm 2026			Kế hoạch tin dụng năm 2027			Kế hoạch tin dụng năm 2028			Kế hoạch tin dụng năm 2029			Kế hoạch tin dụng năm 2030				
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2025		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2026		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2027		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2028		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2029		Tăng, giảm so với 31/12/2030	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)		
				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Số hộ dân cư trú trên địa bàn																			
2	Số hộ dân là hộ đồng bào dân tộc thiểu số <i>Số hộ là DTTS đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH</i>																			
3	Số hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo <i>Số hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH</i>																			
4	Số hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo <i>Số hộ cận nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH</i>																			
5	Số hộ mới thoát nghèo <i>Số hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH</i>																			
6	Số hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn trên địa bàn có nhu cầu vay vốn																			
7	Số thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn có nhu cầu vay vốn																			
8	Tổng số HSSV có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu vay vốn																			
9	Số lao động có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm																			
10	Số lao động có nhu cầu vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài																			
11	Số công trình NS&VSMT NT dự kiến được xây dựng từ nguồn vốn vay NHCSXH																			
12	Số căn nhà ở xã hội dự kiến được mua/thuê mua, xây dựng/sửa chữa từ nguồn vốn vay NHCSXH																			
13	Tổng số xã trên địa bàn <i>Số xã thuộc vùng khó khăn</i>																			

GIÁM ĐỐC
(Ký tên)

..., ngày ... tháng ... Năm ...
TRƯỞNG BDD HĐQT - NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)